

BẢN THAM CHIẾU SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG NĂM 2019 CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NGHIỆP SÀI GÒN
(Sửa đổi Điều lệ Công ty Cổ phần lâm nghiệp Sài Gòn đã được ĐHĐCĐ thông qua ngày 23/04/2019)

Giải thích:

- HĐQT: Hội đồng quản trị.
- ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông.
- Luật DN: Luật doanh nghiệp 2014.
- Nghị định 71: Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 6/6/2017 của Chính Phủ về hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.
- Điều lệ mẫu: Là Điều lệ mẫu được ban hành kèm theo Thông tư số 95/2017/TT-BTC hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 6/6/2017 của Chính Phủ về hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.
- Các từ được gạch ngang thân (ví dụ: ~~abc~~) là nội dung được bỏ đi.
- Các từ được gạch dưới chân (ví dụ: abc) là nội dung được bổ sung.
- [...]: là ký hiệu biểu thị cho những nội dung không được trích dẫn từ Điều lệ hiện hành, do không bị sửa đổi, bổ sung.

STT	Điều khoản	Nội dung Điều lệ hiện hành (phiên bản 24/04/2018)	Đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý
-----	------------	--	--------------------------	----------------

1.	Điều 1.	Chưa đề cập	Bổ sung một số khái niệm sau - <u>“Cán bộ quản lý” là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng.</u> - <u>“Luật Chứng khoán” có nghĩa là Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2006, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010;</u> - <u>“Người điều hành” là Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và người điều hành khác trong Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm;</u> - <u>Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này;</u> - <u>“Công ty” là Công ty cổ phần Lâm Nghiệp Sài Gòn;</u> - <u>“Người có liên quan” có nghĩa là bất cứ cá nhân hoặc tổ chức nào thuộc một trong các trường hợp quy định tại Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và Khoản 34 Điều 6 Luật Chứng Khoán.</u> - <u>Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.”</u>	Các khái niệm khác được bổ sung vì trong Điều lệ có dẫn chiếu đến.
		Điều 1.1.f: “f. Thời hạn hoạt động” là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết”.	Sửa thành: Điều 1.1.i: “Thời hạn hoạt động” là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết”.	Sửa đề phù hợp với Điều 2.5, Điều 51 của Điều lệ, theo đó vì thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn nên sẽ không có việc gia hạn thời hạn hoạt động

2.	Điều 2,3	1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị là đại diện theo pháp luật của Công ty. 2. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng Quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép. 3. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Khoản 2 Điều 47, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.	4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép. 5. Trừ khi chấm dứt hoạt động theo 0 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn. Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty 1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật. 2. Công ty có một người đại diện theo Pháp luật. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Chủ tịch Hội đồng quản trị. Người đại diện theo pháp luật phải cư trú ở Việt Nam và phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật khi xuất cảnh khỏi Việt Nam. Trường hợp này, Người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền. 3. Trường hợp Người đại diện theo pháp luật vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác hoặc có ủy quyền cho người khác nhưng đã hết thời hạn ủy quyền trên 30 ngày hoặc Người đại diện theo pháp luật của Công ty bị chết, mất tích, tạm giam, kết án tù, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì Hội đồng quản trị cử người khác làm Người đại diện theo pháp luật của Công ty.	- Sửa và được bổ sung - Sửa để loại bỏ Nội dung đang mâu thuẫn trong chính Khoản này, vì công ty hoạt động vô thời hạn nên sẽ không có việc gia hạn hoạt động hoặc chấm dứt trước hạn
3.		Điều (n)	Điều (n + 1)	- Sửa và thêm điều 3
4.	Điều 5	Điều 4	Điều 5.	- Sửa
5.	Điều 6	Điều 5.2: “2. Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật”.	Sửa thành: Điều 6.2 “2. Công ty có thể tăng thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật”.	Theo quy định của Luật DN, vốn điều lệ có thể tăng hoặc giảm

		Điều 5.3: <i>“3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo từng loại cổ phần được quy định tại Điều 11 Điều lệ này”</i>	Sửa thành: Điều 6.3 <i>“3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12 và Điều 13 Điều lệ này”</i>	Bổ sung để phù hợp logic, Điều 12 là Quyền của cổ đông, Điều 13 là nghĩa vụ của cổ đông
		Điều 5.6 <i>“5. Cổ phần [...]. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp <u>Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc</u> cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá”</i>	Sửa thành: Điều 5.5 <i>“5. Cổ phần phổ [...]. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp <u>Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc</u> cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá”</i>	Sửa và bổ sung theo Điều 124.3 Luật DN
		Điều 5.8: <i>“8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.”</i>	Sửa thành: Điều 6.4 <i>“4. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán cổ phần khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.”</i>	Khái niệm chứng khoán bao gồm cả cổ phiếu và trái phiếu, nếu để nguyên từ “chứng khoán” thì được hiểu là mỗi khi phát hành bất kỳ chứng khoán nào cũng phải xin ĐHCĐ, như thế sẽ không phù hợp với quy định tại Điều 27.3.g của Điều lệ đang quy định (theo đó, trái phiếu không chuyển đổi và trái phiếu không kèm chứng quyền thì thẩm quyền quyết định thuộc HĐQT).

			<i>“Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần. Giá bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:</i> <i>a. Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở Công ty.</i> <i>b. Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.</i> <i>c. Chào bán cổ phần cho cán bộ công nhân viên (ESOP); và/hoặc các trường hợp phát hành riêng lẻ khác theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.</i> <i>d. Các trường hợp phát hành khác được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông từng thời điểm”</i>	Bổ sung
6.	Điều 7	Thay khái niệm “ <i>Chứng nhận cổ phiếu</i> ”	Sửa thành “ <i>Cổ phiếu</i> ”	Thay khái niệm “ <i>Chứng nhận cổ phiếu</i> ” bằng “ <i>Cổ phiếu</i> ” vì hiện nay Luật doanh nghiệp không còn tồn tại khái niệm <i>Chứng nhận cổ phiếu</i>
		Điều 6.2. “ <i>Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp</i> ”	Bỏ	Vì FRM đã là công ty niêm yết, cho nên có thể FRM sẽ không trực tiếp là bên phát hành các giấy tờ xác nhận quyền sở hữu cổ phần cho người sở hữu
		Thiếu khái niệm “ <i>Cổ phiếu</i> ”	Bổ sung: “ <i>Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp</i> ”	Bổ sung trên cơ sở căn cứ Điều 120 Luật Doanh nghiệp

		Điều 6.3 “3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu”.	Sửa thành: “3. Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty <u>hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định</u>, người sở hữu số cổ phần <u>có thể</u> được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.	Nên chỉ quy định một thời hạn cụ thể hoặc thời hạn quy định tại phương án phát hành để thống nhất áp dụng trên thực tế.
		Điều 6.5 Sổ đăng ký cổ đông: a. Công ty lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ ngày đăng ký doanh nghiệp. Sổ đăng ký cổ đông phổ thông và cổ đông ưu đãi có thể được đăng ký vào các sổ khác nhau. Sổ đăng ký cổ đông ít nhất phải có các nội dung sau: - Tên, trụ sở của Công ty. - Tổng số cổ phần được quyền phát hành, loại cổ phần được quyền phát hành và tổng số cổ phần được quyền phát hành của từng loại. - Tên cổ đông được sắp xếp theo vần chữ cái, địa chỉ, số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần. b. Sổ đăng ký cổ đông có thể được lập và lưu trữ bằng văn bản hoặc bằng tệp dữ liệu điện tử hoặc cả hai. Sổ đăng ký cổ đông có thể được lưu trữ tại trụ sở của Công ty hoặc nơi khác nhưng phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký kinh doanh và tất cả các cổ đông biết. Các cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc tại nơi lưu giữ sổ đăng ký cổ đông.	Bỏ	Công ty đã niêm yết, VSD quản lý

7.	Điều 8	Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác <i>Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của Người đại diện theo pháp luật của Công ty.</i>	Xóa toàn bộ và thay thế bằng: <u>Điều 8. Chứng khoán khác</u> <u>Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ này.</u>	Như đã giải thích ở trên, do FRM đã là công ty niêm yết nên có thể FRM sẽ không trực tiếp phát hành các loại giấy tờ/chứng chỉ xác nhận quyền sở hữu chứng khoán.
8.	Điều 10.4	Điều 9: “4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần chưa bán theo quy định tại Khoản 4 Điều 111 Luật Doanh nghiệp”.	Sửa thành: Điều 10.4 “4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán theo quy định tại Khoản 3 Điều 111 Luật Doanh nghiệp”	Bổ sung theo Điều lệ mẫu ban hành theo TT 95
9.	Điều 11.4	Điều 10.4 4. Giám đốc điều hành.	Sửa thành: Điều 11.4 4. Tổng Giám đốc.	
10.	Điều 12	Điều 11.2.a. “Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền, hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa”	Sửa thành: Điều 12.2.a “Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền, hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa <u>hình thức khác do pháp luật quy định và phù hợp với điều kiện triển khai của Công ty. Mỗi cổ phần phổ thông có một quyền biểu quyết</u> ”.	Sửa trên cơ sở phù hợp với Điều 114.1.a Luật Doanh nghiệp
		Điều 11.2.đ: “Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác”	Sửa Điều 12.2.đ thành: “Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông <u>đó</u> trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác”	Công ty phải có nghĩa vụ bảo mật các thông tin của cổ đông, do vậy, cổ đông chỉ được yêu cầu tra và yêu cầu chỉnh sửa thông tin của chính của đông đó, không được tiếp cận thông tin các cổ đông khác.

	Điều 11.3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau: a. Đề cử các ứng viên Hội đồng Quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Khoản 2 Điều 24 và Khoản 2 Điều 32 Điều lệ này; b. Yêu cầu Hội đồng Quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp; c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông; d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra; đ. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.	Điều 12.3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng có quyền ứng cử/đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Khoản 2 Điều 25 và Khoản 2 Điều 36 Điều lệ này; Điều 12.4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng có các quyền sau: a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp; b. Xem xét và trích lục biên bản và các nghị quyết của Hội đồng Quản trị, báo cáo tài chính 06 tháng và hàng năm, các báo cáo của Ban kiểm soát; c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra; d. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này và pháp luật. Điều 12.5. Cổ đông nước ngoài được phép sở hữu tối đa đến 100% vốn cổ phần của Công ty, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác thấp hơn tỷ lệ trên.	
--	---	--	--

11.	Điều 13	Điều 12.2: “2. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên HĐQT làm đại diện cho mình tại ĐHĐCD”	Sửa thành: Điều 13.2 “2. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên HĐQT làm đại diện cho mình tại ĐHĐCD thông qua các hình thức sau: a. <u>Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</u> b. <u>Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;</u> c. <u>Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</u> d. <u>Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử”</u>	Sửa theo Điều 140.2 Luật DN
		Điều 12.7, Điều 12.8 (chưa đề cập)	Bổ sung: <u>“7. Không thực hiện các hành vi gây tổn hại, ảnh hưởng, hoặc có nguy cơ gây tổn hại, ảnh hưởng cho Công ty.</u> <u>8. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này”.</u>	
12.	Điều 14	Điều 13.2. “Hội đồng quản trị [...] năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính năm.”	Sửa thành: Điều 14.2 “Hội đồng quản trị [...] năm tài chính tiếp theo. <u>Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trong yếu, các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính năm</u> giải thích các nội dung liên quan.”	Bổ sung theo Điều 14.2 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 95
		Điều 13.3.b: “Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo tài chính sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số dư đầu kỳ”.	Sửa thành: Điều 14.3.b “Bảng cân đối kế toán năm, các Báo cáo tài chính quý, báo cáo tài chính sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính <u>báo cáo tài chính năm đã kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số dư đầu kỳ”.</u>	Sửa theo Điều 14.3.b của Điều lệ mẫu ban hành theo TT 95

		Điều 13.3.d: “Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải Công ty nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan”	Sửa thành: Điều 14.3.d “Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 4 Điều 12 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải Công ty <u>đáp ứng các quy định của pháp luật hiện hành, phải được lập thành văn bản có nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan</u>”.	Sửa để đáp ứng quy định của Luật DN và Điều 14.3.d Điều lệ mẫu ban hành theo Thông tư 95/2017/tt-btc
		Điều 13.4.a: “a. HĐQT phải triệu tập ĐHĐCĐ trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên HĐQT còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 14 hoặc nhận được yêu cầu như quy định tại Điểm d và Điểm e Khoản 3 Điều 14”	Sửa thành: Điều 14.4.a “a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, <u>thành viên độc lập Hội đồng quản trị</u>, Kiểm soát viên còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 14 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d và Điểm e Khoản 3 Điều 14”	Căn cứ Điều 156.3.a (quy định về thời hạn triệu tập ĐHĐCĐ khi số thành viên HĐQT giảm quá 1/3), Điều 136.4 (Quy định về thời hạn triệu tập ĐHĐCĐ khi số thành viên HĐQT, BKS còn lại ít hơn so với quy định của pháp luật hoặc nhận được yêu cầu của nhóm cổ đông thiểu số, Ban Kiểm soát) Luật Doanh nghiệp thì được lựa chọn một thời hạn chung là trong vòng 60 ngày.
		Điều 13.4.d: “d. Người triệu tập phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi thông báo đến từng cổ đông có quyền dự họp.”	Xóa toàn bộ Điều 14.4.d “d. Người triệu tập phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi thông báo đến từng cổ đông có quyền dự họp.”	Do nội dung này trùng với Điều 18.2 của Điều lệ

13.	Điều 15	“Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông 1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua: a. Báo cáo tài chính năm được kiểm toán; b. Báo cáo của Hội đồng quản trị; c. Báo cáo của Ban kiểm soát; d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty. 2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau: a. Thông qua các báo cáo tài chính năm; b. Mức cổ tức thanh toán [...] cổ đông; c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị; d. Lựa chọn công ty kiểm toán; đ. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; e. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị; g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty; h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập; i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;” k. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý; l. Kiểm tra [...] Công ty; m. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị “bằng hoặc lớn hơn 35%” tổng giá trị tài sản Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công. n. Công ty mua lại 10% cổ phần phát hành; o. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán; p. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty. q. Quyết định số lượng người đại diện theo pháp luật của Công ty; 3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây: a. Thông qua [...] hợp đồng; b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.	Sửa thành: “Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông 1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua <u>các vấn đề sau</u>: a. Báo cáo tài chính năm <u>đã</u> được kiểm toán; b. Báo cáo của Hội đồng quản trị; c. Báo cáo của Ban kiểm soát; d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn <u>kinh doanh hàng năm</u> của Công ty; e. <u>Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại</u>; f. <u>Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền</u>. 2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau: a. Thông qua các báo cáo tài chính năm; b. Mức cổ tức thanh toán [...] cổ đông; c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị, <u>Ban kiểm soát từng nhiệm kỳ</u>; d. Lựa chọn công ty kiểm toán <u>hoặc thông qua danh sách công ty kiểm toán độc lập để ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một trong số các công ty kiểm toán này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính</u>; đ. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; e. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, <u>Ban kiểm soát</u> và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị, <u>Ban kiểm soát</u>; g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty; h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập; <u>việc phát hành và chào bán cổ phần để tăng vốn điều lệ của Công ty; các phương án khác làm thay đổi vốn điều lệ của Công ty</u>; i. <u>Quyết định việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền</u>; j. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty; k. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý; l. Kiểm tra [...] Công ty; m. Quyết định <u>giao dịch</u> đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị “bằng hoặc lớn hơn 35%” tổng giá trị tài sản Công ty được ghi trong báo cáo tài chính <u>hợp nhất gần nhất</u> của Công ty;	- Điểm d, e, f Khoản 1 được sửa theo quy định của Điều 136.2.a, Điều 136.2.e và Điều 136.2.g của Luật Doanh nghiệp. - Điểm c Khoản 2 được bổ sung vì việc quyết định số lượng thành viên BKS, HĐQT từng nhiệm kỳ thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. - Điểm d Khoản 2 được bổ sung để thuận tiện cho thực tế vận hành doanh nghiệp và phù hợp với Điều 49.1 của Điều lệ. - Điểm e Khoản 2 được bổ sung vì theo Điều 167.1 Luật DN, các vấn đề liên quan đến thù lao của Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ. - Điểm h Khoản 2 được sửa đổi cho phù hợp thực tế (Công ty đã qua thời hạn hạn chế chuyển nhượng đối với cổ đông sáng lập) và làm rõ thẩm quyền của ĐHĐCĐ theo quy định của pháp luật hiện
-----	---------	--	---	--

14.	Điều 16.	Điều 15.1: “Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.”	Sửa thành: Điều 16.1 “Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. <u>Cổ đông là cá nhân được quyền cử tối đa một (01) người khác dự họp. Trường hợp cổ đông là tổ chức có nhiều hơn một người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.</u>”	Sửa căn cứ theo Điều 15.1 (người đại diện theo ủy quyền của cổ đông phải là cá nhân) và Điều 15.3 Luật Doanh nghiệp
		Điều 15.4: “4. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 15, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây: [...]”	Sửa thành: Điều 16.4 “4. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 15, Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây: [...]”.	Theo quy định tại Khoản 3 Điều 140 Bộ luật dân 2015, khi người ủy quyền chết hoặc chấm dứt việc ủy quyền thì việc ủy quyền cũng sẽ hết hiệu lực, do vậy sẽ không có loại trừ đối với khoản 3 Điều 16 của Điều lệ.
15.	Điều 18	Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông 1. Hội đồng Quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điểm b hoặc Điểm c Khoản 4 Điều 13 Điều lệ này. Công ty gửi thư mời đại hội cổ đông thường niên bằng cách gửi thư mời đến quý cổ đông thông qua trang website công ty www.forimex.vn và đăng trên báo Đời sống & Pháp luật liên tục 3 kỳ kể từ ngày 01/4 - 30/4 hàng năm.	Sửa thành: Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông 1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điểm b hoặc Điểm c Khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.	- Thực tế FRM đã là công ty niêm yết, do vậy các quy định về công bố thông tin sẽ thực hiện theo quy định của pháp luật.

	2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây: a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn 05 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông. b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội; c. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.	2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây: a. Chuẩn bị danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn 05 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông; b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông; c. Lập chương trình và nội dung họp; d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp; e. Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên (nếu đã có danh sách ứng viên); f. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội; g. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp; h. Các công việc khác phục vụ Đại hội	
--	---	---	--

		3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ liên lạc của cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán (khi Công ty niêm yết), trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi chậm nhất mười (10) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp. 4. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây: - Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp; - Phiếu biểu quyết; - Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp. Các tài liệu này được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.	3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và công bố thông tin theo quy định pháp luật về chứng khoán hiện hành. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm: - Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp; - Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên; - Phiếu biểu quyết; - Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp; - Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.	
--	--	---	--	--

	5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp. 6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 Điều 17 trong các trường hợp sau: - Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung; - Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này; - Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua; - Các trường hợp khác. 7. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.	4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 4 Điều 12 Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải đáp ứng các quy định của pháp luật hiện hành, có ghi rõ họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp. 5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất tại Khoản 4 Điều 18 trong các trường hợp sau: - Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung theo quy định tại Khoản 4 Điều này; - Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại Khoản 4 Điều 12 Điều lệ này; - Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua.	
--	--	---	--

		Điều 17.6, 17.7: <i>“6. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.</i> <i>7. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc tham dự thông qua đại diện được ủy quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng trình tự và thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình ”</i>	Xóa toàn bộ	- Xóa Điều 18.6 vì trùng với nội dung tại Điều 18.3.e của Điều lệ. - Xóa Điều 18.7 vì nội dung này sẽ được cơ cấu vào Điều 21.4 – Thông qua quyết định của ĐHDCĐ để phù hợp với logic
16.	Điều 20	Điều 19.1 <i>Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.</i> Điều 19.2 <i>Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ từng vấn đề được Chủ tọa thông báo sau khi tiến hành biểu quyết. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành.</i>	Sửa thành: Điều 20.1 <i>Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.</i> <i>Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành, phản đối, không có ý kiến để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, không có ý kiến, hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp</i>	

		<i>Điều 19.6</i> <i>Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:</i> <i>a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;</i> <i>b. Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;</i> <i>c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.</i> <i>Thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc;</i>	Sửa thành: Điều 20.5 <i>Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.</i>	Sửa theo Điều 20.7 Điều lệ mẫu ban hành theo Thông tư 95
--	--	---	--	--

	Điều 19.7 Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 6 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành. Điều 19.8. Hội đồng Quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng Quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, Hội đồng Quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên tham gia đại hội. Điều 19.9 Hội đồng Quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng Quản trị cho là thích hợp để: - Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông; - Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp; - Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Hội đồng Quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng Quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác. Điều 19.10. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nêu trên, Hội đồng Quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể: - Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”); - Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội; Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.	Điều 20.6 Chủ tọa của đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự hoặc đề đại hội phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự. Điều 20.7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên tham gia đại hội. Điều 20.8 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để: - Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông; - Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp; - Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác. Điều 20.9 Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nêu trên, Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể: - Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”); - Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội; Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này. Điều 20.10 Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu
--	---	--

		Thay cụm từ “Hội đồng quản trị”	Bảng cụm từ “Người triệu tập ĐHĐCĐ” tại các Điều 20.7, 20.8. 20.9	Theo quy định, Người triệu tập ĐHĐCĐ có thể là: HĐQT, BKS, nhóm cổ đông thiểu số
--	--	---------------------------------	---	--

17.	Điều 21	“Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông 1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành: a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty; d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất của công ty; e. Tổ chức lại, giải thể công ty; 2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này. 3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng Quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty. 4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành. 5. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết 9 qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.	Sửa thành: “Điều 21. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 21, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết (bao gồm cổ đông tự mình biểu quyết hoặc hoặc thông qua đại diện được ủy quyền). 2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ; thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty, việc tổ chức lại hay giải thể Công ty; dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất của Công ty; hợp đồng, giao dịch quy định tại Điểm o Khoản 2 Điều 15 của Điều lệ này; được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). 3. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty. 4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.	- Sửa khoản 1 vì: Về nguyên tắc, việc thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ sẽ được thực hiện theo hai mức: 65% và 51%, ngoài những vấn đề phải thông qua với tỷ lệ 65% thì tất cả các vấn đề còn lại sẽ được thông qua với tỷ lệ 51%; việc bầu thành viên HĐQT, BKS sẽ được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Do vậy, diễn đạt lại phần này cho rõ ràng và dễ hiểu hơn. - Khoản 2 được sửa để đảm bảo các vấn đề quan trọng được thông qua với tỷ lệ 65%. - Khoản 3, 4, 5 được bổ sung theo Điều 144.3, Điều 148.2, Điều 144.5 của Luật DN nhằm quy định rõ ràng các nội dung trong Điều lệ để có cơ chế áp dụng thực tế.
-----	---------	--	--	---

18.	Điều 22	Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông <i>Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:</i> 1. <i>Hội đồng Quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, kể cả các vấn đề quy định tại khoản 1 Điều 20 Điều lệ này.</i>	Sửa thành: Điều 22: Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua <u>ngợi quyết</u> của Đại hội đồng cổ đông <i>“1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua <u>tất cả các nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, cụ thể gồm:</u></i> a. <u>Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;</u> b. <u>Định hướng phát triển Công ty;</u> c. <u>Công ty phát hành thêm cổ phiếu (thông qua chào phát cổ phiếu riêng lẻ và/hoặc chào bán chứng khoán ra công chúng) để tăng vốn điều lệ;</u> d. <u>Công ty phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền.</u> e. <u>Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</u> f. <u>Quyết định thời hạn nhiệm kỳ Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và việc thay đổi số lượng thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ, số lượng thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ</u> g. <u>Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</u> h. <u>Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất của Công ty;</u> i. <u>Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;</u> j. <u>Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty</u> k. <u>Tổ chức lại, giải thể công ty.</u> l. <u>Tất cả các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông Công ty theo quy định của pháp luật và của Điều lệ này.</u>	Sửa để làm rõ hơn
-----	---------	--	--	-------------------

		Điều 21.2: “ 2.Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng Quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi chậm nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 137 Luật Doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 139 của Luật Doanh nghiệp.	Sửa thành Điều 22.2: “2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.	- Sửa “quyết định” thành “nghị quyết”.
		Điều 21.6 Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ và gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.	Sửa thành Điều 22.6: Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ.	
		Điều 21.8 Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	Sửa thành Điều 22.8 Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	

19.	Điều 23	Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp. Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.	Sửa thành điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây: a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông; c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp; d. Họ, tên chủ tọa và thư ký; e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp; f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng; g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng; i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng. 2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản. 3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp. 4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành	
-----	---------	---	--	--

20.	Điều 24	“Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây: 1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 148 của Luật Doanh nghiệp và khoản 8 Điều 20 Điều lệ này; 2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.	Sửa thành: “Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, [...] các trường hợp sau đây: 1. Trình tự và thủ tục triệu tập <u>họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản và ra nghị quyết của</u> Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, <u>trừ trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều 21 của Điều lệ này.</u> 2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng 60 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp à Điều lệ này.”	- Khoản 1 được sửa theo Điều 24.1 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 95/2017/TT-BTC. - Khoản 2 được sửa theo Điều 147.2 Luật DN.
-----	---------	---	--	--

21.	Điều 25	Sửa điều 24 : Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng Quản trị 1. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị từ năm (05) đến bảy (07) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng Quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống. 2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng Quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% trở lên được đề cử tối đa tám (08) ứng viên. 3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng Quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng Quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng Quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng Quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử. 4. Thành viên Hội đồng Quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: - Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp; - Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty. - Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị của công ty khác. - Đối với công ty con mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ thì thành viên Hội đồng Quản trị không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Giám đốc điều hành, Giám đốc điều hành và người quản lý khác của Công ty;	Thành điều 25 và 26 : Điều 25 : Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị 1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây: - Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; - Trình độ học vấn; - Trình độ chuyên môn; - Quá trình công tác; - Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác; - Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có); - Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có); - Các thông tin khác (nếu có). 2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị, cụ thể như sau: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên. 3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị	
-----	---------	--	---	--

--	--	--	--	--

22.	Điều 26		Sửa thành: “Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị 1 Số lượng thành viên Hội đồng quản trị: là 05 (năm) thành viên. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị tối đa không quá năm (05) năm. Thời hạn cụ thể của nhiệm kỳ, việc rút ngắn hoặc gia hạn thời hạn của nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị tối đa không quá năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị bãi nhiệm/miễn nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống. 2. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau: - Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị; - Thành viên đó có đơn từ chức; - Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi; - Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng, trừ trường hợp bất khả kháng; - Thành viên đó bị bãi nhiệm, miễn nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. - Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. 1. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải	
-----	---------	--	---	--

23.	Điều 27	Sửa Điều 25: Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị	Sửa Điều 25 Thành Điều 27: Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	
		Điều 27.3.i: <i>Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác, người đại diện của Công ty. Việc bãi nhiệm nêu trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có)”. </i>	Sửa Điều 27.3.i thành: <i>“<u>Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác, người đại diện</u> <u>Cán bộ quản lý</u> của Công ty. Việc bãi nhiệm nêu trên không được trái với các quyền theo hợp đồng ký giữa Công ty với của những người bị bãi nhiệm (nếu có)”. </i>	Bổ sung căn cứ theo Điều 149.2.i Luật Doanh nghiệp
		Điều 27.4.c, 27.4.d: <i>“c. Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, [...] được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty</i> <i>d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty.</i> <i>e. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 5% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm”.</i>	Sửa thành: <i>“c. Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp Khoản 2 Điều 135 Luật Doanh nghiệp và Điều o Khoản 2 Điều 15 phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, [...] được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty”.</i> <i>d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty”.</i> <i>e. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 5% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, với giá trị không vượt quá 35% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất của Công ty;”</i>	
		Điều 27.5: <i>“5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc điều hành và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.”</i>	Sửa thành: <i>“5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc điều hành và những cán bộ quản lý người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị Đại hội đồng cổ đông thông qua.”</i>	Sửa cụm từ “Hội đồng quản trị” thành “Đại hội đồng cổ đông” vì theo Điều 15.1 của Điều lệ việc thông qua BCTC thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ

24.	Điều 28		Điều 28. Thủ lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	Bổ sung
-----	---------	--	---	---------

25.	Điều 29	Điều 26: Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Hội đồng Quản trị bầu một thành viên của Hội đồng Quản trị làm Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng Quản trị không được kiêm nhiệm Giám đốc điều hành Công ty trừ khi việc kiêm nhiệm này được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. - Chủ tịch Hội đồng Quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây: - Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị; - Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng Quản trị; - Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng Quản trị; - Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng Quản trị; - Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng Quản trị; - Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. - Chủ tịch Hội đồng Quản trị được phép ủy quyền cho Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị thường trực thay mặt cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị: mở, đóng tài khoản giao dịch chứng khoán, tài khoản giao dịch ký quỹ tại các công ty chứng khoán và thực hiện giao dịch chứng khoán, giao dịch tiền và sử dụng các dịch vụ khác do công ty chứng khoán cung cấp. - Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng Quản trị theo nguyên tắc đa số. - Chủ tịch Hội đồng Quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng Quản trị.	Sửa thành Điều 29. Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra Chủ tịch HĐQT. - Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và làm chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. - Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị là Người đại diện theo pháp luật của Công ty thì Chủ tịch Hội đồng quản trị được thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại và thực hiện các công việc khác theo sự phân công và ủy quyền của Hội đồng quản trị. - Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông. - Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.	
-----	---------	--	--	--

26.	Điều 30	Điều 27: Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị “	Sửa thành Điều 30 : Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị	
27.	Điều 31		Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	Bổ sung mới
28.	Điều 32		Điều 32. Người phụ trách quản trị Công ty	Bổ sung theo quy định của Nghị định 71
29.		VIII. GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THU KÝ CÔNG TY	VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	Thay đổi cho phù hợp tình hình hoạt động của công ty
30.	Điều 33	Điều 28. Tổ chức bộ máy quản lý <i>Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng Quản trị. Công ty có một (01) Giám đốc điều hành, các Phó Giám đốc và một Kế toán trưởng và các chức danh khác do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết Hội đồng Quản trị được thông qua một cách hợp thức.</i>	Sửa thành: Điều 33. Bộ máy quản lý <i>Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một (01) Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp thức.</i>	

31.		Điều 29. Cán bộ quản lý 1. Theo đề nghị của Giám đốc điều hành và được sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị, Công ty được tuyển dụng cán bộ quản lý cần thiết, với số lượng và chất lượng phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng Quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra. 2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc điều hành do Hội đồng Quản trị quyết định và hợp đồng với những cán bộ quản lý khác do Hội đồng Quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Giám đốc điều hành.	Sửa thành Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp 1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành doanh nghiệp khác cần thiết, với số lượng và chất lượng phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra. 2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng với những Người điều hành doanh nghiệp khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc.	
32.		Điều 30. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc điều hành	Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc	
33.		Điều 31. Thư ký Công ty		Bãi bỏ

34.	Điều 36	Điều 32. Thành viên Ban kiểm soát “Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là ba (03) thành viên. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên là 05 năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế	Sửa thành: Điều 36. Thành viên Ban kiểm soát “1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty “là ba (03)” thành viên. <u>Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và không thuộc các trường hợp sau:</u> a. <u>Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;</u> b. <u>Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.”</u>	Sửa căn cứ theo Điều 20.2 Nghị định 71
			Sửa thành: “Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác của Công ty. Ban kiểm soát phải chỉ định bầu một (01) người trong số các thành viên làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:”	Khoản 2 sửa theo Điều 20.2 Nghị định 71/NĐ-CP

		;	Sửa thành: <u>“2. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên</u> a. <u>Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Ban Kiểm soát được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Ban Kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Ban Kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:</u> - <u>Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;</u> - <u>Trình độ học vấn;</u> - <u>Trình độ chuyên môn;</u> - <u>Quá trình công tác;</u> - <u>Các thông tin khác (nếu có).</u> b. <u>Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.</u> c. <u>Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề bầu cử.”</u>	Điểm a Khoản 3 được bổ sung tương tự việc ứng cử, đề cử thành viên HĐQT quy định tại Điều 25 của Điều lệ Điểm b Khoản 3 được bổ sung theo Điều 114.2 Luật DN; Điểm c Khoản 3 được sửa theo Điều 11.3 Nghị định 71
--	--	---	--	--

			Sửa thành: “3. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm. <u>Thời hạn cụ thể của nhiệm kỳ, việc rút ngắn hoặc gia hạn thời hạn của nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban kiểm soát. Thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị bãi nhiệm/miễn nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ của Ban kiểm soát.</u>”	Bổ sung để làm rõ nghĩa trong cách diễn đạt.
--	--	--	---	---

			Sửa thành: ““Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau: - Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát; - Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính của Công ty; - Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự; - Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu (06) tháng liên tục không được sự chấp thuận của Ban kiểm soát và Ban kiểm soát ra quyết định rằng chức vụ của người này bị bỏ trống; - Thành viên đó bị cách chức, <u>miễn nhiệm</u>, <u>bãi nhiệm</u> thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.	
35.	Điều 37	Điều 33. Ban kiểm soát	Sửa thành Điều 37. Ban kiểm soát	
36.		X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC	X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC	Thay Giám đốc điều hành bằng Tổng Giám đốc

37.	Điều 38, Điều 39, Điều 40	Điều 34. Công khai các lợi ích liên quan Điều 35. Trách nhiệm của người quản lý Công ty Điều 36. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị chấp thuận	Sửa, Thay thế bằng các Điều : Điều 38. Trách nhiệm cẩn trọng Điều 39. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi Điều 40. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	Sửa theo Điều 26.4.a Nghị định 71 và Điều 40.4 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 95
38.	Điều 41	Điều 37. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ 1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này. 2. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật. 3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này. 4. Điều lệ Công ty phải được công bố trên website của công ty.	Sửa thành: Điều 41.1 Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ 1. Cổ đông phổ thông có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra các thông tin liên quan đến cổ đông đó trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này. 2. Tổng Giám đốc Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính. 3. Điều lệ Công ty phải được công bố trên website của Công ty.	- Bổ sung theo khoản 1 Điều 42 Điều lệ Mẫu theo Thông tư số 95-2017 TT – BTC - Về nguyên tắc, giấy tờ phải được lưu tại trụ sở của Công ty. Ngoài ra, không có quy định bắt buộc phải thông báo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về nơi lưu trữ giấy tờ của Công ty.
39.	Điều 43	Điều 39. Cổ tức Điều 40. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận	Được thay thế bằng Điều 43. Phân phối lợi nhuận	-

40.				-
41.	Điều 47.5	Điều 44,5 <i>“5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp”.</i>	Bỏ toàn bộ Điều 44.5. <i>“5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp”.</i>	Theo quy định của pháp luật, BCTC của công ty đại chúng là tài liệu được công bố ra công chúng, do vậy những người quan tâm đều có thể tiếp cận thông qua website của công ty hoặc các website của UBCK NN. Ngoài ra không phải bất cứ cá nhân, tổ chức nào cũng có quyền yêu cầu công ty cung cấp trích lục, bản sao của BCTC nếu những người đó không phải là cổ đông công ty hoặc những chức danh được quyền yêu cầu cung cấp thông tin theo quy định của Điều lệ.

42.	Điều 50.2	“2. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành”.	Sửa thành: “2. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành <u>người đại diện theo pháp luật của Công ty</u> sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành”.	Người đại diện theo pháp luật của Công ty là người đại diện cho công ty ký các văn bản giấy tờ và đóng dấu công ty lên chữ ký đó nên sẽ là người sử dụng con dấu
43.	Điều 51	“Điều 48. Chấm dứt hoạt động - Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau: - Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn; - Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành; - Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; - Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật. - Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng Quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.	Sửa thành: “Điều 51. Chấm dứt hoạt động - Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau: Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn; - Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành; - Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; - Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật. - Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.”	Do đã bỏ quy định về thời hạn hoạt động và việc gia hạn thời hạn hoạt động của Công ty tại Điều 2.5 và Điều 52 của Điều lệ nên phải sửa tương ứng.

44.	Điều 52	Điều 49. Gia hạn hoạt động 1. Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị. 2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thông qua	Bỏ toàn bộ Điều 52 “Điều 52. Gia hạn hoạt động 1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị. 2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thông qua.”	Điều 2.5 của Điều lệ đã quy định thời hạn hoạt động củ Công ty là vô thời hạn, vì vậy sẽ không có gia hạn.
45.	Điều 55	<i>Điều 53. Ngày hiệu lực</i> 1. Bản Điều lệ này gồm 53 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Lâm nghiệp Sài Gòn nhất trí thông qua ngày 24 tháng 4 năm 2018 tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thành lập và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này. 2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau. 3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty. 4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị.	Sửa thành: “Điều 55 56. Ngày hiệu lực 1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 55 điều có hiệu lực từ ngày 19 tháng 04 năm 2019, đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần GTNfoods nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm 2019 tại Đại hội đồng cổ đông năm 2019. 2. Điều lệ được lập thành bốn (04) bản, có giá trị như nhau và được lưu trữ tại trụ sở chính công ty. 3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty. 4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.”	Khoản 1 sửa do cập nhật lại số điều khoản so với dự thảo sau khi sửa. Khoản 4 sửa vì các tài liệu bản sao của Công ty chỉ cần có chữ ký của người đại diện theo pháp luật.
46. Một số chỉnh sửa khác	- Trong dự thảo Điều lệ, cụm từ “<i>được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất</i>” sẽ được thay thế là “<i>được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất</i>”. - Sửa cụm từ “<i>thành viên HĐQT độc lập</i>” trong Điều lệ hiện hành thành “<i>thành viên độc lập HĐQT</i>” để phù hợp với quy định của Luật DN, Nghị định 71/2017/NĐ-CP và Điều lệ mẫu ban hành theo Thông tư 95/2017/TT-BTC. - Các tham chiếu đến “<i>Khoản 3 Điều 12</i>” của Điều lệ sẽ được sửa thành “<i>Khoản 4 Điều 12</i>”. - Sửa cụm từ “<i>Tổng Giám đốc điều hành</i>” thành “<i>Tổng Giám đốc</i>”			
47. Một số nội dung chỉnh sửa nhỏ khác (trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật) được thể hiện tại Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung đính kèm.				